

Bản án số: 33/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 25/12/2017

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Tạ Xuân Trái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T - sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T2, xã T1, huyện U, TP. Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn D – sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T2, xã T1, huyện U, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải chị Trần Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trần Văn D sau một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện kết hôn và có Đăng ký tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T1 năm 2008. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh D cầm dao dọa đánh chị. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn, thích nghi dần môi trường sống bên gia đình chồng nhưng không quen. Vì vậy, chung sống được khoảng 4 tháng thì chị về nhà đẻ ở. Hai bên gia đình cũng khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ xong bản thân anh D thì không nói gì và hơn nữa chị nhận thấy mình chậm chạp, không nhanh nhẹn, sức khỏe yếu nên chị cũng không muốn quay về đoàn tụ. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không chuyện trò, thăm hỏi gì cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, sống ly thân quá lâu, không thể quay về đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh D. Con chung chưa có. Tài sản và công nợ chung không có nên không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập.. cho anh Trần Văn D, nhưng anh D không có quan điểm, ý kiến gì.

Ông Trần Văn T4 – bố đẻ anh Trần Văn D có ý kiến: ông là bố đẻ anh Trần Văn D, bố chồng chị Trần Thị T. Năm 2008 hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán cho anh D và chị T. Sau đó hai vợ chồng anh D, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1. Sau khi cưới, hai vợ chồng làm ruộng và sống chung cùng gia đình. Nhưng vì chị T chậm chạp, không biết làm ăn nên vợ chồng hay cãi nhau. Sống được 4 tháng thì chị T bỏ về nhà đẻ. Hai bên gia đình cũng vun vén cho anh chị đoàn tụ nhưng cả hai đều không đoàn tụ và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn, do anh D bận làm việc và có quan điểm: “đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa làm việc” nên ông đề nghị Tòa giải quyết cho chị T ly hôn, anh D ly hôn và cho anh D vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh D vắng mặt, chị T có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn anh D; chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Trần Văn D đến tòa án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D không có mặt. Hội đồng xét đã mở phiên tòa ngày 08/12/2017 nhưng do sự vắng

mặt của anh D nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh D vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 ngày 25/11/2008 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Chị T cũng nhận thấy một phần do sức khỏe yếu nên chị làm việc chậm không được lòng chồng và gia đình chồng; bản thân anh D thì hay chửi mắng chị và có nhiều lần cầm dao dọa giết chị nên chị T phải về nhà để ở sống ly thân gần 9 năm nay. Ông Trần Văn Trung – bố anh D cũng cho rằng vợ chồng anh D, chị T mâu thuẫn từ lâu và sống ly thân gần chục năm. Xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh D sinh sống, UBND xã T1 cung cấp: Chị T và anh D có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1 ngày 25/11/2008. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống được mấy tháng thì xích mích, mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nay chị T có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn anh D. Xét thấy quá trình chung sống, chị T và anh D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, sống ly thân 9 năm không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị T xác nhận chưa có con chung.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008409 ngày 12 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện Ứng Hoà
- Chi cục THADS Ứng Hoà
- UBND xã nơi ĐKKH
- Các đương sự
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh